

THỰC TRẠNG VÀ KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG TAI NẠN GIAO THÔNG VÀ ĐUỐI NƯỚC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở THÀNH PHỐ HUẾ

Võ Minh Hoàng¹, Ngô Quý Trân¹,
Hoàng Trần An Phương¹, Nguyễn Thị Thúy Hằng¹

TÓM TẮT

Mở đầu: Trên thế giới tai nạn giao thông và đuối nước đang là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em. Ở Việt Nam, tỷ lệ tai nạn giao thông và đuối nước ở trẻ em nói chung và học sinh trung học cơ sở nói riêng có xu hướng ngày càng gia tăng. Tại thành phố Huế chưa có nghiên cứu nào về tai nạn giao thông và đuối nước cho học sinh trung học cơ sở. **Mục tiêu:** Mô tả thực trạng, đánh giá kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của học sinh trung học cơ sở ở thành phố Huế. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 866 học sinh từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 tại 04 trường Trung học cơ sở ở thành phố Huế từ (01/11/2021-31/12/2021). **Kết quả:** Tỷ lệ học sinh bị tai nạn giao thông trong 1 năm qua là 2,3%. Tỷ lệ học sinh bị đuối nước trong 1 năm qua là 0,1%. Tỷ lệ học sinh có kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông tốt là 58,1%, đuối nước là 38%. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa khối lớp và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông của học sinh ($p < 0.05$). **Kết luận:** Tỷ lệ tai nạn giao thông và đuối nước hiện mắc trong năm không cao, nhưng kỹ năng thực hành phòng tai nạn giao thông và đuối nước còn thấp, cần tăng cường truyền thông giáo dục và rèn luyện các kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước cho học sinh. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở giúp cho ngành y tế phối hợp với ngành giáo dục trong việc xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe cũng như các chương trình phòng ngừa tai nạn giao thông và đuối nước ngày càng hiệu quả hơn.

Từ khóa: Tai nạn giao thông, đuối nước, học sinh trung học cơ sở

SUMMARY

SITUATION AND SKILLS TO PREVENTION OF ROAD TRAFFIC AND DROWNING OF JUNIOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN HUE CITY

Background: In the world, road traffic accidents and drowning are among the leading causes of death among children. In Vietnam, the rate of road traffic accidents and drowning among children in general and junior high school students in particular tends to increase. In Hue city, there has not been any research on traffic accidents and drowning in junior high school students. **Objectives:** Describe the situation, assess road traffic accident and drowning prevention skills

¹Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế
Chịu trách nhiệm chính: Võ Minh Hoàng
Email: vmhoang@huemed-univ.edu.vn
Ngày nhận bài: 3.11.2023
Ngày phản biện khoa học: 19.12.2023
Ngày duyệt bài: 9.01.2024

and explore some related factors of junior high school students in Hue city. **Method:** A Cross-sectional was study on 866 students from grades 6 to 9 at 4 secondary schools in Hue city from (November 1st, 2021 - December 31st, 2021). **Result:** The rate of students having road traffic accidents in the past 1 year was 2.3%. The rate of students drowning in the past 1 year was 0.1%. The percentage of students with good traffic accident prevention skills is 58.1%, drowning is 38%. The study found a relationship between grade level and students' traffic accident prevention skills ($p < 0.05$). **Conclusion:** The current rate of road traffic accidents and drowning in the year is not high, but road traffic accident and drowning prevention skills are still low, it is necessary to strengthen communication, education and training in road traffic accident prevention skills, and drowning for students. The research results will serve as a basis for the health sector to coordinate with the education sector in developing more effective health education programs as well as traffic accident and drowning prevention programs. **Keywords:** road traffic accident, drowning, junior high school students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn giao thông và đuối nước đã và đang là vấn đề y tế công cộng nghiêm trọng trên thế giới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người ở mọi lứa tuổi [10]. Tại Việt Nam, tai nạn giao thông và đuối nước rất dễ xảy ra ở lứa tuổi thanh thiếu niên, vì các em thường hiếu động, thích tò mò, nghịch ngợm và chưa có kiến thức, kỹ năng phòng, tránh. Tỷ lệ tai nạn giao thông và đuối nước ở trẻ em nói chung và học sinh trung học cơ sở nói riêng có xu hướng ngày càng gia tăng [1],[6]. Tại Thành phố Huế chưa có nghiên cứu nào về tai nạn giao thông và đuối nước ở học sinh trung học cơ sở. Với mục đích tìm hiểu tình hình tai nạn giao thông và đuối nước và khả năng tự bảo vệ mình trong việc phòng tránh tai nạn giao thông và đuối nước, đặc biệt với trẻ em là học sinh Trung học cơ sở, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: "Thực trạng và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh trung học cơ sở tại Thành phố Huế" với mục tiêu sau:

1. Mô tả thực trạng tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh trung học cơ sở ở Thành phố Huế

2. Đánh giá kỹ năng phòng chống các tai nạn giao thông và đuối nước và một số yếu tố liên quan của đối tượng nghiên cứu

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Học sinh từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 tại 04 trường Trung học cơ sở ở Thành phố Huế từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: nghiên cứu được tính theo công thức cỡ mẫu một tỷ lệ với $p=0,03$ là tỷ lệ học sinh Trung học phổ thông mắc TNGT tại thành phố Huế theo nghiên cứu của tác giả Lưu Văn Linh năm 2015 [7], sai số tuyệt đối ($d=0,02$), hệ số thiết kế ($k=3$), tính được cỡ mẫu $n=840$ học sinh. Sử dụng phương pháp chọn mẫu chùm 3 giai đoạn. Giai đoạn 1 chọn ngẫu nhiên 2 trường ở mỗi khu vực bắc và nam sông Hương. Giai đoạn 2, chọn ngẫu nhiên 2 lớp học trong mỗi khối lớp 6, 7, 8, 9 tại mỗi trường. Giai đoạn 3 bốc thăm ngẫu nhiên mỗi lớp 27 học sinh. Thực tế đã nghiên cứu được 866 học sinh Trung học cơ sở.

Kỹ thuật thu thập số liệu: Điều tra viên được tập huấn trước khi tiến hành điều tra về cách tiếp cận đối với học sinh, điều tra viên giới thiệu mục đích cuộc điều tra và gửi giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu cho cha mẹ/người giám hộ của học sinh. Điều tra viên phỏng vấn trực tiếp học sinh theo bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

Đánh giá kỹ năng phòng chống TNGT và đuối nước: Tiêu chuẩn đánh giá kỹ năng của học sinh như sau: học sinh được đánh giá là có kỹ năng tốt về phòng tránh TNGT và đuối nước khi trả lời đúng $\geq 75\%$ câu hỏi về kỹ năng; học sinh được đánh giá có kỹ năng chưa tốt về phòng tránh TNGT và đuối nước khi đạt điểm thái độ $< 75\%$ tổng điểm kỹ năng.

Phương pháp xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đặc điểm chung và tỷ lệ tai nạn giao thông và đuối nước của mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Phân bố học sinh theo lớp và giới

Khối lớp	Nam		Nữ		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Lớp 6	96	44,4	120	55,6	216
Lớp 7	109	50,5	107	49,5	216
Lớp 8	112	51,1	107	48,9	219
Lớp 9	99	46,0	116	54,0	215
Tổng	416	48,0	450	52,0	866

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh nam chiếm 48,0% và học sinh nữ là 52,0%; tỷ lệ học sinh nam và nữ phân bố tương đối đồng đều giữa các khối lớp.

Bảng 2. Tỷ lệ tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh trung học cơ sở

Loại tai nạn		Số lượng	Tỷ lệ %
Tai nạn giao thông	Có	20	2,3
	Không	846	97,7
Đuối nước	Có	1	0,1
	Không	865	99,9
Tổng		866	100

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh bị tai nạn giao thông trong 1 năm qua là 2,3%. Tỷ lệ học sinh bị đuối nước trong 1 năm qua là 0,1%

Bảng 3. Tỷ lệ học sinh bị TNGT phân bố theo giới và khối lớp

Đặc điểm	TNGT	Có		Không		Tổng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới	Nam	8	1,9	408	98,1	416
	Nữ	12	2,7	438	97,3	450
Khối lớp	Lớp 6	3	1,4	213	98,6	216
	Lớp 7	6	2,8	210	97,2	216
	Lớp 8	7	3,2	212	96,8	219
	Lớp 9	4	1,9	211	98,1	215

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh nam bị tai nạn giao thông chiếm 1,9% và học sinh nữ là 2,7%. Tỷ lệ học sinh bị tai nạn giao thông theo các khối lớp 6, 7, 8, 9 lần lượt là 12,5%, 10,2%, 11,0% và 9,3%.

Bảng 4. Một số đặc điểm của học sinh bị TNGT (n=20)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ %
Nguyên nhân TNGT	Tự ngã, không va chạm	5	25,0
	Va chạm xe đạp, xe máy	13	65,0
	Va chạm người đi bộ	2	10,0
Nơi bị TNGT	Trên quốc lộ, tỉnh lộ	1	5,0
	Trên đường trong thành phố	16	80,0
	Trên đường trong thôn, xóm	3	15,0
Thời tiết khi bị TNGT	Khô ráo	15	75
	Mưa	2	10
	U ám	3	15
Phương tiện sử dụng khi bị TNGT	Xe đạp	6	30,0
	Xe đạp điện, xe máy	11	55,0
	Đi bộ	3	15,0
Người điều khiển	Bản thân	7	41,1
	Bạn bè	3	17,6
	Người thân	7	41,1
Đội mũ bảo hiểm khi bị TNGT	Có	11	100,0
	Không	0	0,0

Nhận xét: Có 13/20 trường hợp TNGT do

va chạm với xe đạp và xe máy chiếm 65,0%, có 5 học sinh khi tham gia giao thông tự ngã chiếm 25,0%. Địa điểm xảy ra TNGT: có 16/20 trường hợp TNGT xảy ra trên đường trong thành phố chiếm 80,0%. Thời tiết khi bị TNGT: có 15/20 trường hợp xảy ra lúc thời tiết khô ráo chiếm 75%. Phương tiện sử dụng khi bị TNGT: có 11/20 học sinh sử dụng xe đạp điện và được đưa đón bằng xe máy chiếm 55,0%, có 6 học sinh đi xe đạp bị TNGT chiếm 30,0%. Người điều khiển phương tiện lúc xảy ra tai nạn chủ yếu là bản thân, người thân chiếm 41,1%. Có 11/11 (100%) học sinh sử dụng xe đạp điện và được đưa đón bằng xe máy đều đội mũ bảo hiểm khi TNGT xảy ra.

3.2. Kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh

Bảng 5. Kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông

Kỹ năng phòng chống TNGT	Có		Không	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Không vượt đèn đỏ	720	83,1	146	16,9
Không đi xe dàn hàng 2-3, lạng lách, vượt ẩu	741	85,6	125	14,4
Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, xe đạp điện	673	77,7	193	22,3
Không đi xe máy, xe đạp, xe đạp điện chở quá số người qui định	681	78,6	185	21,4
Thắt dây an toàn khi ngồi trên ô tô	632	73,0	234	27,0
Không nghe điện thoại, nói chuyện khi đang điều khiển phương tiện giao thông	666	76,9	200	23,1

Nhận xét: Kỹ năng phòng tránh TNGT của học sinh chiếm tỷ lệ nhiều nhất là không đi xe dàn hàng 2-3, lạng lách, vượt ẩu (85,6%), không vượt đèn đỏ (83,1%). Tuy nhiên vẫn còn học sinh có hành vi không đúng như không thắt dây an toàn khi ngồi trên ô tô (27,0%), nghe điện thoại nói chuyện khi đang điều khiển phương tiện giao thông (23,1%).

Bảng 6. Kỹ năng phòng chống đuối nước

Kỹ năng phòng chống đuối nước	Có		Không	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Biết bơi	405	46,8	461	53,2
Không chơi gần ao, hồ, sông, giếng nước	700	80,8	166	19,2
Không với đồ vật rơi xuống nước	530	61,2	336	38,8
Chỉ đi bơi ở bể bơi có	671	77,5	195	22,5

người giám sát hoặc có người lớn đi cùng				
Không chơi đùa khi trời có giông bão, mưa lớn	667	77,0	199	23,0
Không đùa nghịch khi đi bơi	639	73,8	227	26,2
Mặc áo phao khi đi ghe, thuyền	525	60,6	341	39,4

Nhận xét: Thực hành phòng chống đuối nước của học sinh chiếm tỷ lệ cao nhất là không chơi gần ao, hồ, sông, giếng nước (80,8%), bơi khi có người giám sát hay người lớn đi cùng (77,5%), có 46,8% học sinh đã biết bơi. Tuy nhiên, vẫn còn tỷ lệ học sinh thực hành phòng chống đuối nước không đúng như không mặc áo phao khi đi ghe thuyền (39,4%), đùa nghịch khi đi bơi (26,2%). Có đến 53,2% học sinh chưa biết bơi.

Bảng 7. Kỹ năng xử trí của học sinh khi thấy người bị đuối nước

Kỹ năng xử trí của học sinh khi thấy người bị đuối nước	Có		Không	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hô hoán, gọi người lớn đến giúp	755	87,2	111	12,8
Tìm các gậy dài hoặc các vật nổi để ném cho nạn nhân bị đuối nước bám vào	709	81,9	157	18,1
Nhảy xuống để cứu bạn	215	24,8	651	75,2
Không làm gì vì không biết bơi	399	46,1	467	53,9

Nhận xét: Kỹ năng xử trí của học sinh khi gặp người bị đuối nước: hô hoán, gọi người lớn đến giúp đỡ (87,2%), tìm gậy dài, vật nổi ném cho nạn nhân (81,9%). Tuy nhiên, vẫn còn học sinh xử trí không đúng: nhảy xuống để cứu (24,8%), và 46,1% không làm gì vì không biết bơi.

Bảng 8. Kỹ năng xử trí của học sinh khi nạn nhân đuối nước được cứu lên bờ

Kỹ năng xử trí của học sinh khi nạn nhân đuối nước được cứu lên bờ	Số lượng	Tỷ lệ %
Gọi người lớn đến giúp	696	80,4
Gọi cấp cứu	739	85,3
Lấy dị vật trong mũi, miệng (bùn, đất, rong, rêu...)	472	54,5
Hô hấp nhân tạo cho người bị nạn	627	72,4
An ủi, động viên nạn nhân	377	43,5
Không làm gì	15	1,7

Nhận xét: Kỹ năng xử trí của học sinh khi nạn nhân đuối nước được cứu lên bờ: gọi cấp cứu (85,3%), gọi người lớn đến giúp (80,4%), hô hấp nhân tạo cho người bị nạn (72,4%), lấy dị vật trong mũi miệng (54,5%), động viên an ủi (43,5%). Tuy nhiên, vẫn còn tỷ lệ 1,7% xử trí

không đúng là không làm gì.

3.3. Thực hành phòng chống TNGT và đuối nước và các yếu tố liên quan

Bảng 9. Thực hành phòng chống TNGT và đuối nước của học sinh

Thực hành	Tốt		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Phòng tránh TNGT	503	58,1	363	41,9
Phòng đuối nước	329	38,0	537	62,0

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh có kỹ năng phòng chống TNGT tốt là 58,1%, đuối nước là 38%

3.4. Các yếu tố liên quan đến kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông của học sinh

Bảng 10. Một số yếu tố liên quan đến kỹ năng PC TNGT

Đặc điểm	Kỹ năng	Tốt		Chưa tốt		p
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới	Nam	232	44,2	184	55,8	0,185
	Nữ	271	39,8	179	60,2	
Khối lớp	Lớp 6	85	39,4	131	60,6	<0,001
	Lớp 7	113	52,3	103	47,7	
	Lớp 8	162	74	57	26	
	Lớp 9	143	66,5	72	33,5	
Tai nạn giao thông	Bị TNGT	12	60	8	40	0,86
	Không bị TNGT	491	58	355	42	

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa khối lớp và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông của học sinh ($p < 0.05$).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở bảng 1 cho thấy có 866 học sinh tham gia nghiên cứu, trong đó có 416 học sinh nam chiếm tỷ lệ 48,0% và 450 học sinh nữ chiếm 52,0%; tỷ lệ học sinh nam và nữ phân bố tương đối đồng đều giữa các khối lớp. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học sinh bị TNGT trong năm qua (2021) là 2,3%, tỷ lệ học sinh bị đuối nước là 0,1%. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của một số tác giả trong thời gian qua. Nghiên cứu của tác giả Võ Khánh Phương, tỷ lệ TNGT của trẻ em dưới 16 tuổi và các yếu tố liên quan tại huyện Châu Đức, có 37/750 trẻ em bị TNGT (chiếm 4,9%) [5]. Kết quả nghiên cứu của Lưu Văn Vĩnh về tình hình sử dụng xe đạp điện và tai nạn giao thông ở học sinh tại TP Huế năm 2015 là 3% [7]. Nghiên cứu của Shailaja Tetali ở 5842 học sinh THCS tại Ấn Độ có 17% học sinh bị tai nạn giao thông năm 2016 [9]. Kết quả nghiên cứu của Jaseena Nadu Veetil, có 342 trong số 8433 học sinh tại Ấn Độ bị đuối nước (chiếm 4,06%) [8].

Điều này có thể được lý giải trong thời điểm nghiên cứu của chúng tôi, do dịch Covid 19 xảy ra và việc thực hiện giãn cách, hạn chế các hoạt động xã hội cũng có thể là yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ TNGT và đuối nước của học sinh. Về kỹ năng phòng chống TNGT, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 41,9% học sinh có kỹ năng phòng chống TNGT chưa tốt. Cụ thể, có 23,1% học sinh nghe điện thoại nói chuyện khi đang điều khiển phương tiện giao thông; 22,3% không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy; đi xe đạp điện và đi xe đạp dàn hàng 2, hàng 3 chiếm 14,4%. Kết quả của chúng tôi ở bảng 9 có điểm tương đồng với nghiên cứu của tác giả Vũ Minh Hải, tỷ lệ học sinh có hành vi chưa đúng trong phòng tránh TNGT là học sinh đi xe đạp hàng 2, hàng 3 chiếm 23,2% và 9,1% học sinh không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy [3]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở bảng 6 cho thấy vẫn còn tỷ lệ học sinh thực hành phòng chống đuối nước không đúng như không mặc áo phao khi đi ghe thuyền (39,4%), đùa nghịch khi đi bơi (26,2%). Bảng 7 học sinh xử trí không đúng: nhảy xuống để cứu người (46,1%), không làm gì vì không biết bơi (24,8%). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Hoài Linh ở trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, có 11,4% học sinh tự nhảy xuống nước để cứu người, 8,4% thì không biết nên làm gì [4]. Về kỹ năng xử trí của học sinh khi nạn nhân đuối nước được cứu lên bờ: vẫn còn tỷ lệ 1,7% xử trí không đúng là không làm gì (bảng 8). Nghiên cứu của Nguyễn Tiến Dũng về đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng phòng chống đuối nước của trẻ em cho thấy 177/ 247 học sinh không biết cách sử dụng khi được hỏi về kỹ năng sử dụng những dụng cụ có sẵn như gậy tre, dây thừng... để cứu hộ hoặc xử trí tình huống khi gặp đuối nước [2].

Trong nghiên cứu của chúng tôi (bảng 10), học sinh khối lớp 8 có kỹ năng PC TNGT tốt chiếm tỷ lệ cao nhất 74%, tiếp đến là học sinh khối lớp 9 (66,5%), khối lớp 7 (52,3%) và thấp nhất là khối lớp 6 (39,4%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Điều này là do đối với những học sinh ở khối lớp lớn hơn có kỹ năng tốt hơn về PC TNGT.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu thực trạng và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh Trung học cơ sở tại Thành phố Huế, chúng tôi có một số kết luận sau: Tỷ lệ học sinh bị tai nạn giao thông trong 1 năm qua là 2,3%.

Tỷ lệ học sinh bị đuối nước trong 1 năm qua là 0,1%. Tỷ lệ học sinh có kỹ năng phòng chống TNGT tốt là 58,1%, đuối nước là 38%. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa khối lớp và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông của học sinh ($p < 0.05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Vũ Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh và cộng sự** (2006), "Tình hình chấn thương và các yếu tố ảnh hưởng ở trẻ em dưới 18 tuổi tại 6 tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Cần Thơ, Đồng Tháp", Tạp chí Y tế công cộng. 5.2006, S 5(5), tr. 27- 34.
2. **Nguyễn Tiên Dũng, Trần Văn Điện và Hoàng Việt Trung** (2020), "Từ thực trạng đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng phòng tránh tai nạn đuối nước cho trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai ", Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. Tập 10, Số 1, tr. 40-48.
3. **Vũ Minh Hải và Lê Ngọc Duy** (2015), "Thực trạng kiến thức và thực hành phòng tránh tai nạn thương tích của học sinh trung học cơ sở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình năm 2015", Tạp chí Nghiên cứu và Thực hành Nhi khoa. Số 5 (10-2018), tr. 27-35.
4. **Nguyễn Hoài Linh và Trần Thị Hồng** (2021), "Kiến thức, thái độ thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố

- Hà Nội năm 2020 ", Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển. Tập 05, Số 01, tr.132-140.
5. **Võ Khánh Phương, Phạm Đỗ Tuấn, Nguyễn Đỗ Nguyên** (2016), "Tỷ lệ tai nạn thương tích trẻ em dưới 16 tuổi và các yếu tố liên quan tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, năm 2015", Tạp chí Y học TP.Hồ Chí Minh, tập 20, phụ bản của số 1, 2016.
 6. **UNICEF** (2008), Tài liệu tập huấn kỹ năng truyền thông giáo dục, giám sát, ghi chép, báo cáo, tai nạn thương tích trẻ em tỉnh Ninh Thuận năm 2008, Dự An phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, Ninh Thuận, tháng 3/2008.
 7. **Lưu Văn Vĩnh, Đoàn Phạm Phước Long, Nguyễn Minh Tâm** (2015), "Nghiên cứu tình hình sử dụng xe đạp điện và tai nạn giao thông ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Huế năm 2015", Kỷ yếu hội nghị KHCN tuổi trẻ các trường DHCDYD Việt Nam, Đại học quốc gia Hà Nội.2015, tr.362-366.
 8. **Jaseena Nadu Veetil, et al** (2018), "An epidemiological study of drowning survivors among school children", J Family Med Prim Care 2017;6:844-7
 9. **Shailaja Tetali, P Edwards, G V S Murthy, I Roberts** (2016), "Road traffic injuries to children during the school commute in Hyderabad, India: cross-sectional survey", Inj Prev 2016;22:171-175.
 10. **World Health Organization**. The global health observatory. Explore a world of health data. Estimated number of road traffic deaths. 2020

NGHIÊN CỨU TƯƠNG QUAN GIỮA MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG ĐỘNG MẠCH VÀNH VỚI CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ VÀ ĐỘ NẶNG CỦA BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2

Ngô Thị Xuân Vân¹, Lê Thị Bích Thuận², Hồ Anh Bình³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Những năm gần đây, đái tháo đường trở thành vấn đề sức khỏe toàn cầu, tỷ lệ mắc bệnh đang tăng nhanh ở các nước phát triển và đang phát triển. Bệnh động mạch vành trên bệnh nhân đái tháo đường có bệnh cảnh lâm sàng nặng và tỷ lệ tử vong cao. Chụp động mạch vành giúp đánh giá mức độ tổn thương động mạch vành theo thang điểm SYNTAX, một thang điểm giúp bác sĩ lâm sàng có thể đưa ra cách thức điều trị tối ưu cho mỗi bệnh nhân: điều trị nội khoa đơn thuần, đặt stent hay phẫu thuật bắc cầu nối chủ vành. Do đó, chúng tôi tiến hành đề tài này với mục tiêu: Tìm hiểu mối tương quan giữa

mức độ tổn thương động mạch vành với các yếu tố nguy cơ và độ nặng của bệnh nhân đái tháo đường type 2. **Đối tượng - Phương pháp nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả có đối chứng 60 bệnh nhân đái tháo đường type 2 được chụp động mạch vành có tổn thương ý nghĩa (hẹp $\geq 50\%$ đường kính lòng mạch ≥ 1 nhánh động mạch vành chính). Nhóm đối chứng: 65 bệnh nhân không có đái tháo đường được chụp động mạch vành có tổn thương ý nghĩa. **Kết quả:** Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch vành ở nhóm đái tháo đường đều cao hơn nhóm không đái tháo đường (trừ hút thuốc lá). Điểm SYNTAX trung bình của nhóm bệnh nhân có đái tháo đường cao hơn có ý nghĩa so với nhóm không đái tháo đường ($p < 0,001$). Có mối tương quan thuận mức độ trung bình giữa thang điểm SYNTAX với thời gian mắc bệnh đái tháo đường ($r = 0,484$; $p = 0,001$). Có mối tương quan thuận mức độ yếu giữa thang điểm SYNTAX với HbA1C ($r = 0,297$; $p = 0,012$). Có mối tương quan thuận mức độ yếu giữa thang điểm SYNTAX với microalbumin niệu ($r = 0,306$; $p = 0,001$). Có mối tương quan nghịch mức độ trung bình giữa thang điểm SYNTAX với phân suất tổng máu thất trái ($r = 0,4388$; $p = 0,0012$). **Kết luận:** Thông

¹Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bình Định

²Trường Đại học Y Dược Huế

³Bệnh viện Trung ương Huế

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Thị Xuân Vân

Email: drhoanhbinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 3.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.12.2023

Ngày duyệt bài: 9.01.2024